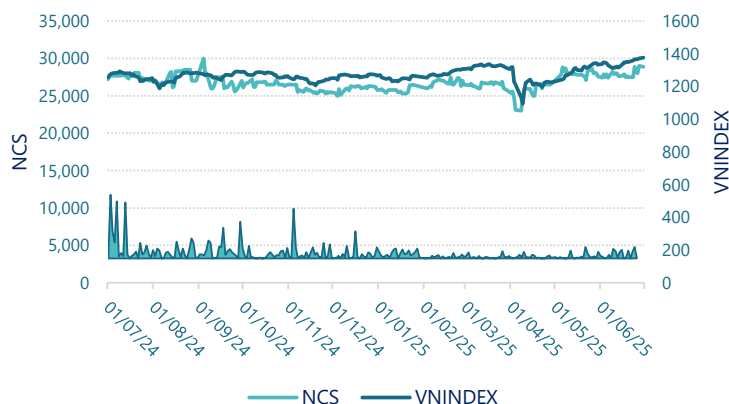


CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (UPCOM: NCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	28,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,000
SL cổ phiếu LH	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,160
% sở hữu nước ngoài	4.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	519
P/E	8.3
EPS	3,470

DT thuần

Q2/25

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -3.1%

YoY: ▲40.0| 24.5%

LN sau thuế

Q2/25

17.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.10| 0.3%

YoY: ▲5.40| 44.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.5%

+/- YoY: ▼0.5%

DT thuần

6T 2025

409

tỷ VNĐ

YoY: ▲69.0| 20.2%

LN sau thuế

6T 2025

34.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲7.50| 27.8%

ROE

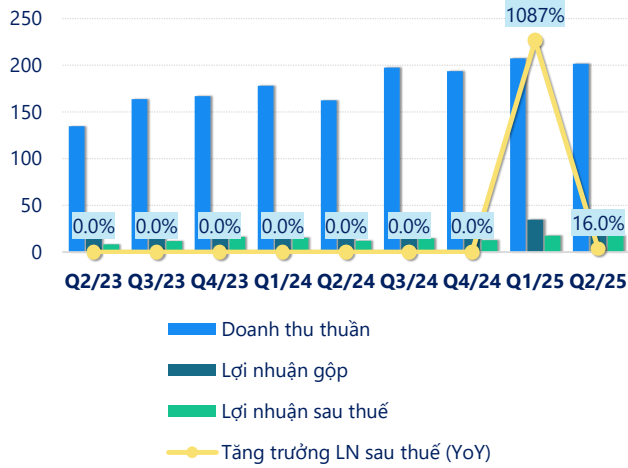
Q2/25

33.7%

+/- YoY: ▼9.3%

tỷ VNĐ

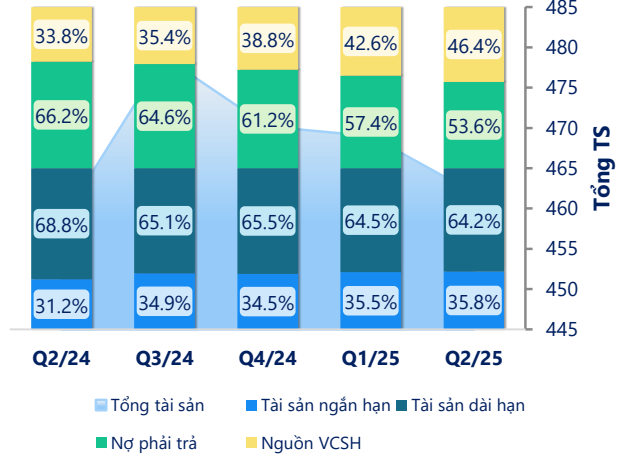
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

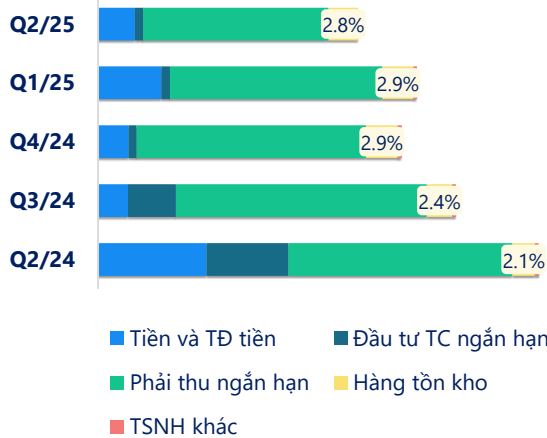
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



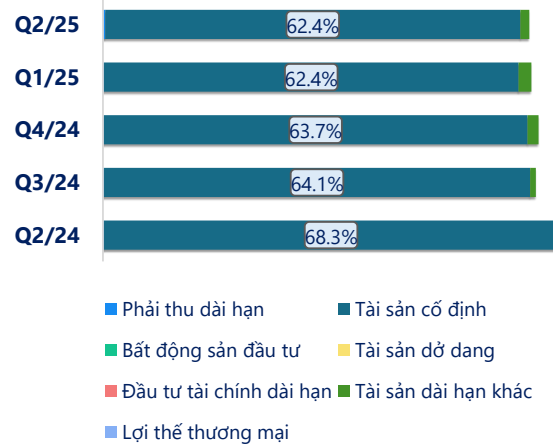
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

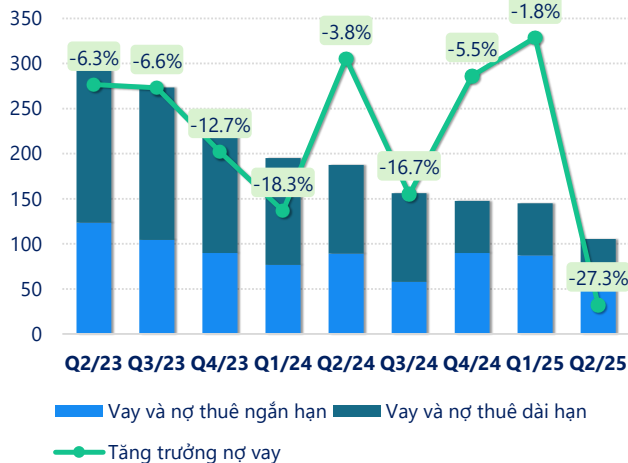
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

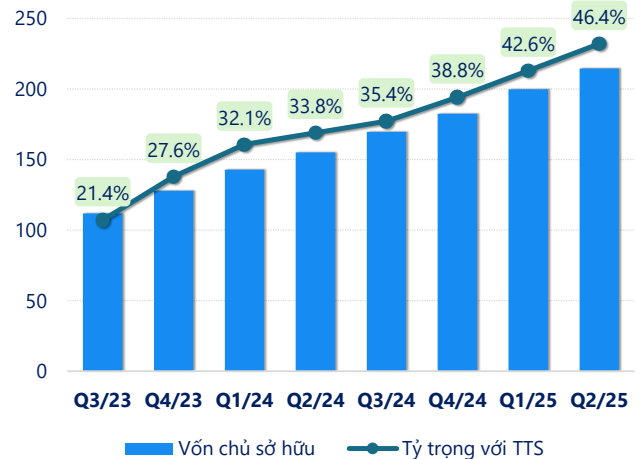
Nợ vay



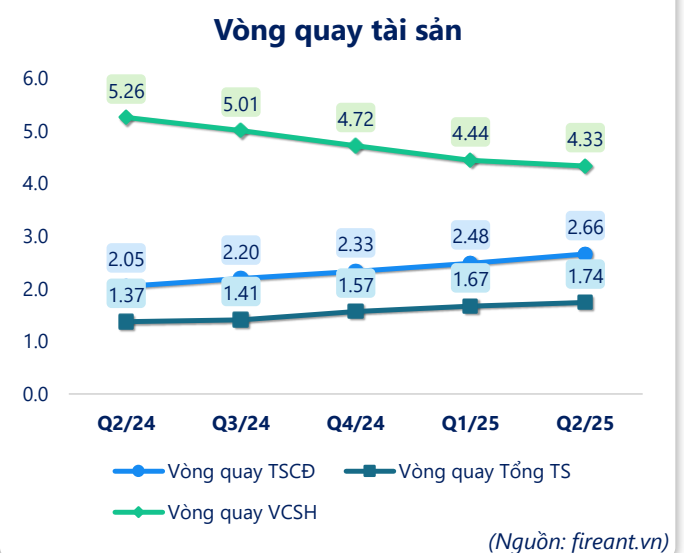
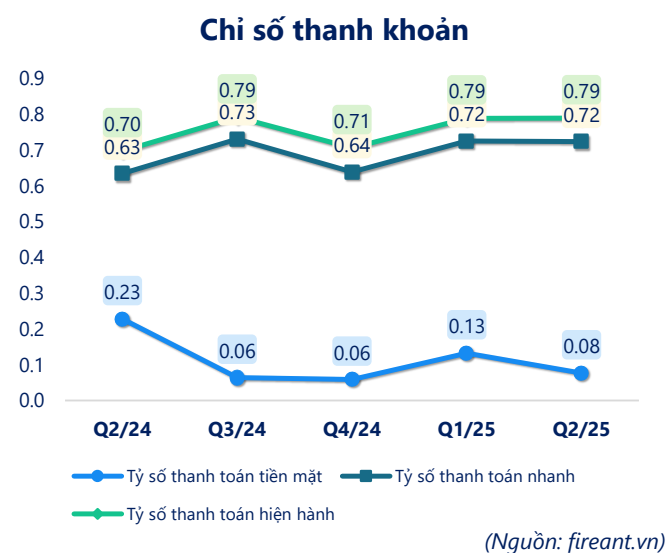
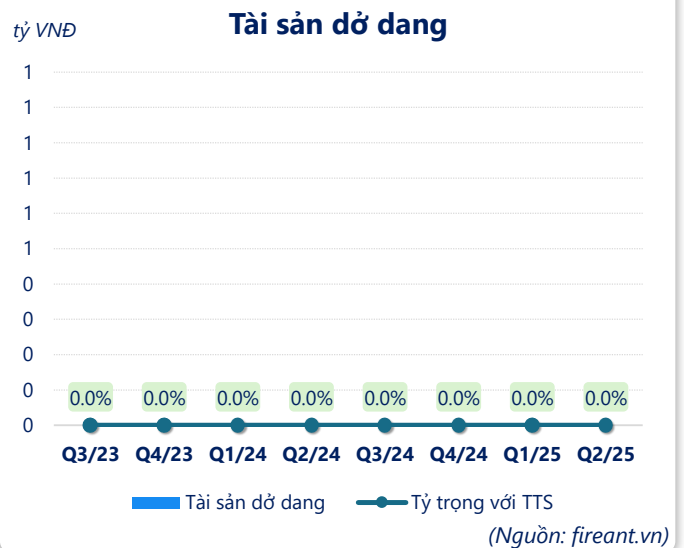
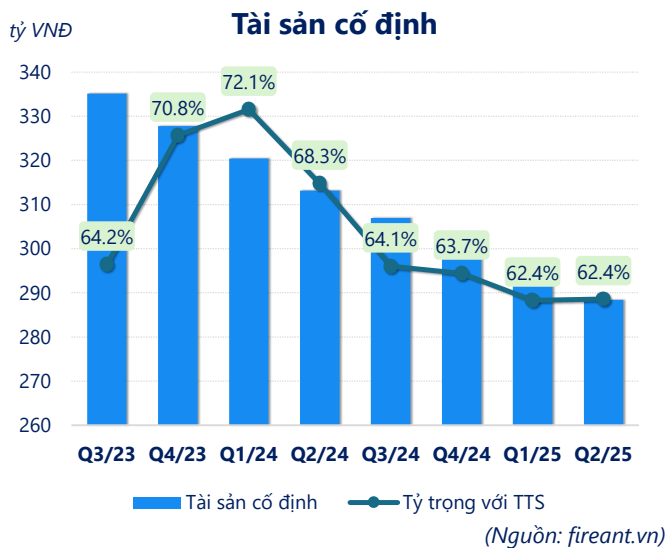
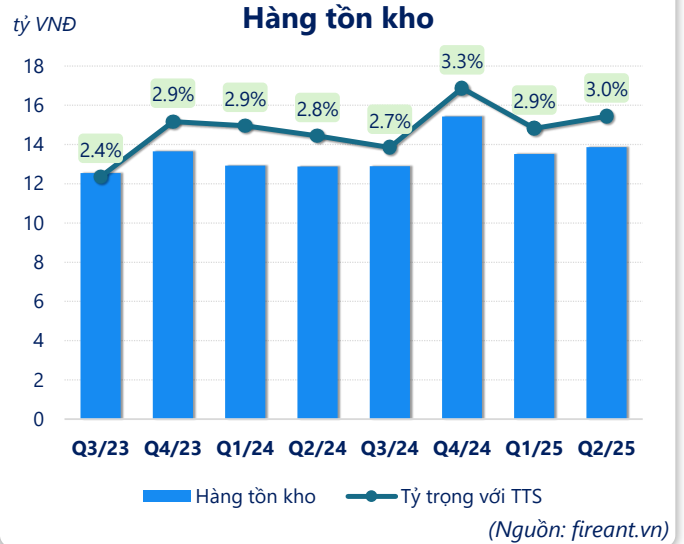
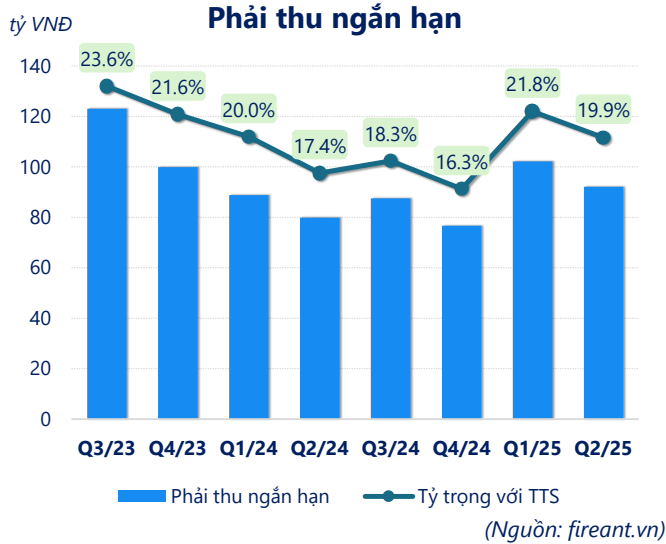
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	458	479	470	469	462
Tài sản ngắn hạn	143	167	162	167	166
Tiền và tương đương tiền	46.7	13.5	13.5	27.9	16.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.50	53.0	53.0	23.0	43.0
Phải thu ngắn hạn	79.9	87.6	76.6	102	92.1
Hàng tồn kho	12.9	12.9	15.4	13.5	13.9
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	3.60	0	0.62
Tài sản dài hạn	315	312	308	302	296
Phải thu dài hạn	0.72	0.72	0.56	0.73	1.60
Tài sản cố định	313	307	300	292	288
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.49	4.21	7.77	9.17	6.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	303	309	288	269	248
Nợ ngắn hạn	205	211	230	211	210
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.2	57.9	89.8	87.1	67.7
Phải trả người bán ngắn hạn	47.0	58.5	73.2	55.4	58.9
Nợ dài hạn	98.3	98.3	57.9	57.9	37.7
Vay và nợ thuê dài hạn	98.3	98.3	57.9	57.9	37.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	155	170	183	200	214
Vốn chủ sở hữu	155	170	183	200	214
Vốn điều lệ	179	179	179	179	179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)